

Số: 02 /BC-ĐBCL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2019

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN SAU 3 THÁNG TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 7, 9/2018**

*Kính gửi:* - Ban Giám hiệu;  
- Các đơn vị.

### **Nội dung báo cáo:**

<b>Đề mục</b>	<b>Nội dung đề mục</b>
Mục I	<u>Mục đích khảo sát</u>
Mục II	<u>Quá trình thực hiện</u>
Mục III	<u>Kết quả khảo sát</u>
	A. <u>Khảo sát về chất lượng đào tạo (phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất, chất lượng phục vụ)</u>
	B. <u>Tình hình việc làm của SVTN</u>

### **I. Mục đích khảo sát**

1. Tìm hiểu thông tin về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.
2. Thu thập ý kiến sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo, công tác quản lý và phục vụ đào tạo của Nhà trường nhằm đề ra giải pháp cải tiến kịp thời, phù hợp.

### **II. Quá trình thực hiện**

1. **Thời gian:** Từ ngày 07/11 đến hết ngày 30/11/2018
2. **Đối tượng:** Sinh viên tốt nghiệp đợt tháng 7, 9/2018 (có 1.531/1.907 – tỷ lệ 80,28% sinh viên tốt nghiệp tham gia khảo sát).
3. **Phương pháp:** Sinh viên tốt nghiệp trả lời Phiếu khảo sát online trên trang web <http://danhgia.hcmute.edu.vn>.

### **III. Thống kê kết quả**

#### **\* Mô tả phiếu khảo sát**

Phiếu khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp đợt tháng 7, 9/2018 bao gồm 2 mục lớn:

#### ***Mục A. Khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo của Nhà trường.***

Sinh viên tốt nghiệp nhận xét chương trình đào tạo đã học và đánh giá mức độ đáp ứng với thực tế công việc. Sinh viên tốt nghiệp chọn một trong 5 mức: 1. Hoàn toàn không đồng ý, 2. Không đồng ý, 3. Phân vân, 4. Đồng ý, 5. Hoàn toàn đồng ý.

Ngoài ra, ở mục này còn khảo sát ý kiến sinh viên về kỹ năng mềm, hoạt động Đoàn - Hội, cơ sở vật chất, các hoạt động ngoại khoá.

**Mục B. Thông tin việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.**

Mục B bao gồm các câu hỏi về tình hình nghề nghiệp, thu nhập của sinh viên sau khi đi làm và đào tạo thêm từ doanh nghiệp và những thông tin khác. Sinh viên trả lời bằng cách chọn vào các phương án đã được liệt kê sẵn hoặc viết vào các ô trống.

**\* Kết quả khảo sát**

**Mục A. Khảo sát về chất lượng đào tạo**

**1. Sự hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về nội dung và phương pháp giảng dạy:**

**Bảng 1. Sự hài lòng của sinh viên về nội dung và phương pháp giảng dạy**

Nội dung câu hỏi	Không đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)
1. Chương trình đào tạo được phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	5,8	13,4	80,8
2. GV thường xuyên kết nối nội dung bài học với thực tiễn	5,1	15,3	79,6
3. Nội dung thực hành/thí nghiệm đáp ứng yêu cầu về công nghệ	8,3	21,7	70,0
4. Phương pháp giảng dạy đa dạng và giúp anh/chị tích cực hơn trong việc học	5,2	19,1	75,7
5. Phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4,3	15,3	80,4
6. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị chủ động lựa chọn học phần, thiết kế lộ trình học tập linh hoạt	5,4	14,4	80,2

Từ số liệu bảng 1 cho thấy hầu hết sinh viên hài lòng về nội dung và phương pháp giảng dạy của Nhà trường. Riêng mục 3 (Nội dung thực hành/thí nghiệm đáp ứng yêu cầu về công nghệ) tỷ lệ hài lòng của SV chưa cao. Vì vậy, Nhà trường cần cải thiện để nâng cao sự hài lòng của SV.

**2. Chương trình đào tạo giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng học tập và kỹ năng làm việc:**

**Bảng 2. Chương trình đào tạo giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng học tập và kỹ năng làm việc**

Nội dung câu hỏi	Không đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)
1. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị xây dựng phương pháp học tập hiệu quả	5,5	18,3	76,2

2. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị phát triển năng lực thu thập, xử lý thông tin	3,6	13,9	82,5
3. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị phát triển năng lực giải quyết vấn đề	3,7	16,3	80,0
4. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị phát triển năng lực giao tiếp, thuyết trình	4,2	17,2	78,6
5. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị phát triển khả năng nghiên cứu	4,0	17,9	78,1
6. Anh/Chị nhận thấy bản thân đã đạt được chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của chương trình đào tạo	3,9	15,2	80,9

Nhìn chung, tỷ lệ % sinh viên hài lòng với chương trình đào tạo khá đồng đều, dao động trong khoảng từ 76% đến 82%. **Kết quả này cho thấy nhận thức của sinh viên trong việc chủ động xây dựng phương pháp học tập và chuẩn bị kỹ năng làm việc tốt.**

### 3. Sự hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng phục vụ của Nhà trường

**Bảng 3. Sự hài lòng của sinh viên về chất lượng phục vụ của Nhà trường**

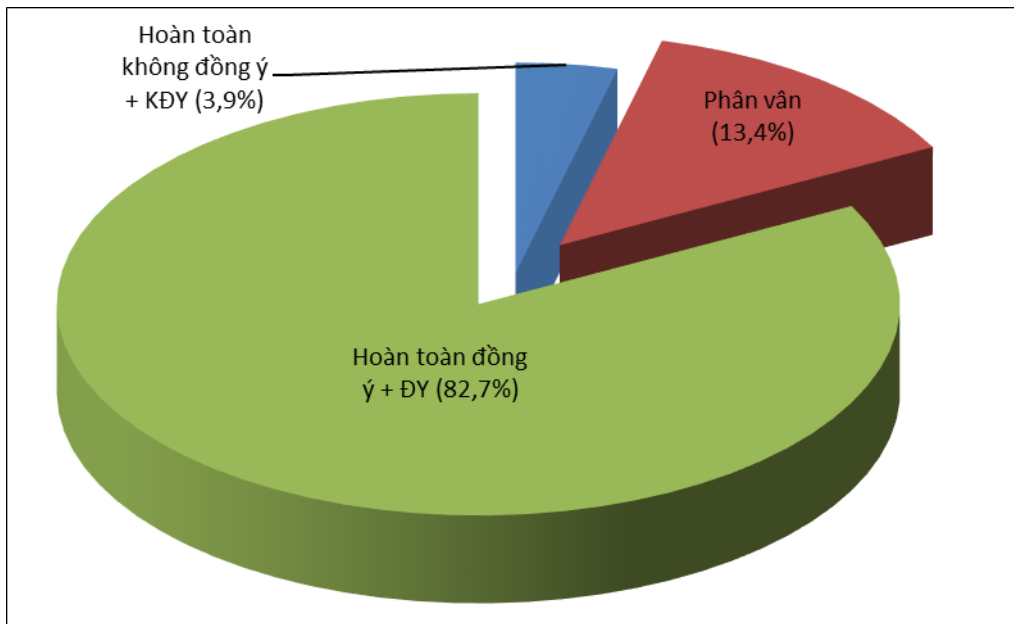
Nội dung câu hỏi	Không đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)
1. Anh/Chị hài lòng về trang thiết bị thực hành/thí nghiệm	12,4	23,3	64,3
2. Anh/Chị hài lòng với tài liệu do Thư viện, GV cung cấp	6,5	17,6	75,9
3. Anh/Chị hài lòng với chính sách hỗ trợ và đội ngũ tư vấn của trường	7,4	19,2	73,4
4. Anh/Chị hài lòng khi được tham gia góp ý, điều chỉnh chương trình đào tạo	7,2	17,1	75,7
5. Anh/Chị hài lòng về chất lượng phục vụ nói chung của Nhà trường như: Hoạt động do Đoàn TN, Hội SV tổ chức; hoạt động phong trào văn nghệ, thể dục thể thao; điều kiện cơ sở vật chất (phòng học, xưởng thực hành/thí nghiệm, thực tập, sân bãi, ...); chăm sóc sức khỏe, ...	7,4	18,2	74,4

Tỷ lệ sinh viên hài lòng về trang thiết bị thực hành/thí nghiệm đạt 64,3%. Nhà trường, Khoa nên tăng cường kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị hàng năm nhằm bổ sung, nâng cấp trang thiết bị phục vụ việc giảng dạy và học tập.

Nhìn chung sinh viên khá hài lòng về đội ngũ tư vấn học tập cũng như chất lượng cơ sở vật chất (sân bãi thể thao, phòng học, ...); các hoạt động Đoàn - Hội, phong trào

văn nghệ. Đề nghị Nhà trường giữ vững và tiếp tục không ngừng nỗ lực cải tiến chất lượng phục vụ giúp sinh viên có môi trường tốt để học tập và rèn luyện bản thân.

**4. Sự hài lòng chung của sinh viên về chất lượng chương trình đào tạo**



**Hình 1. Sự hài lòng chung của sinh viên về chất lượng đào tạo**

Từ biểu đồ hình 1, có một tỷ lệ khá cao 82,7% sinh viên tốt nghiệp hài lòng về chất lượng đào tạo chung của Nhà trường.

**5. Sinh viên tự đánh giá về khả năng tìm việc và học tập cao hơn**

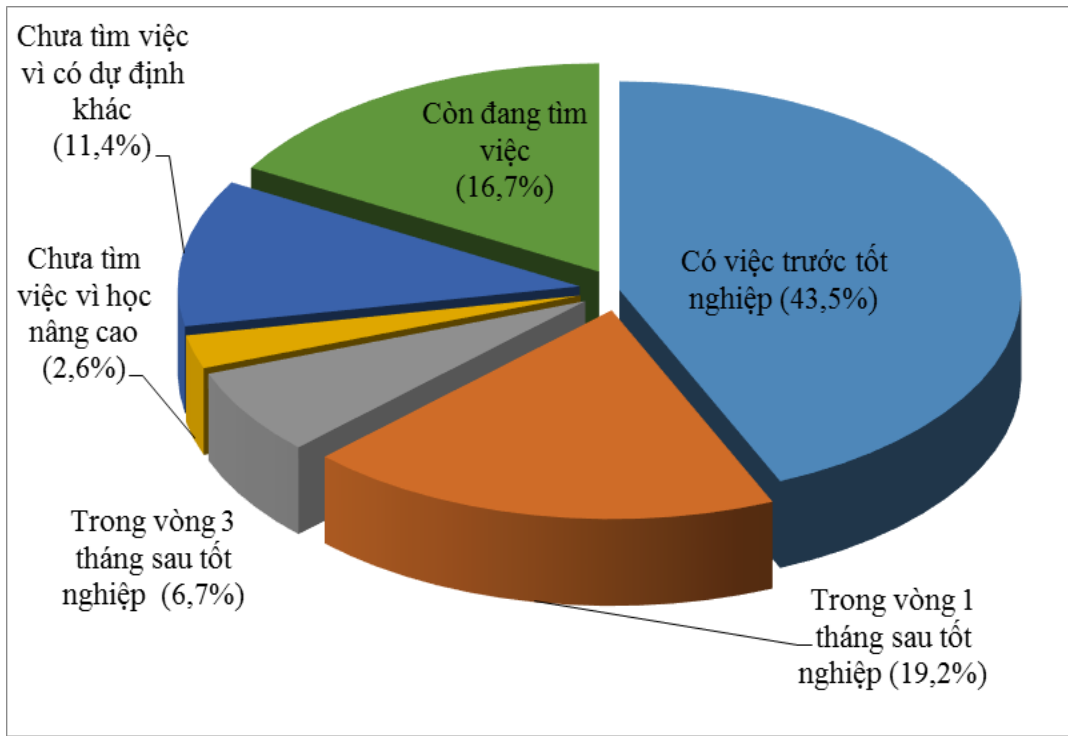
**Bảng 4. Sinh viên tự đánh giá về khả năng tìm việc và học tập cao hơn**

Nội dung câu hỏi	Không đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)
1. Anh/Chị đủ khả năng để tiếp tục học cao hơn.	5,0	18,3	76,7
2. Anh/Chị dự định sẽ học cao hơn	19,4	27,8	52,8
3. Anh/Chị đủ khả năng kiếm việc làm	2,7	10,5	86,8

**Mục B. Khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp**

**1. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp thể hiện qua Biểu đồ như Hình 2:

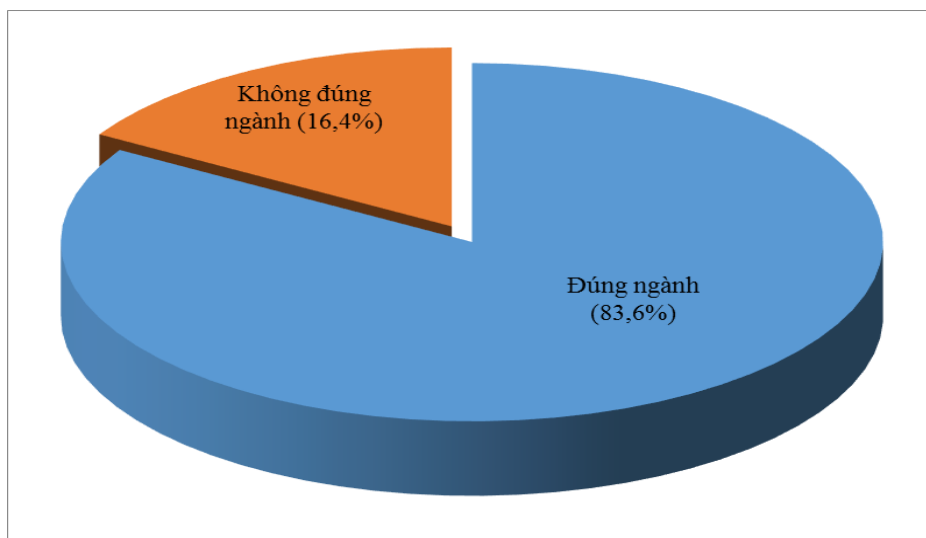


**Hình 2. Tình hình việc làm của SV tốt nghiệp**

Biểu đồ hình 2 thể hiện thông tin tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp đợt tháng 7, 9/2018: Tỷ lệ sinh viên có việc trước tốt nghiệp là 43%, sau 1 tháng là 19%, sau 3 tháng là 7%. Tính đến thời điểm khảo sát, có 69% SV đã có việc làm. Bên cạnh đó, trong số 31% sinh viên chưa có việc làm thì có 14% SV chưa có việc làm là do sinh viên có dự định học nâng cao hoặc các dự định khác.

**2. Tình hình việc làm của sinh viên so với chuyên ngành đã học**

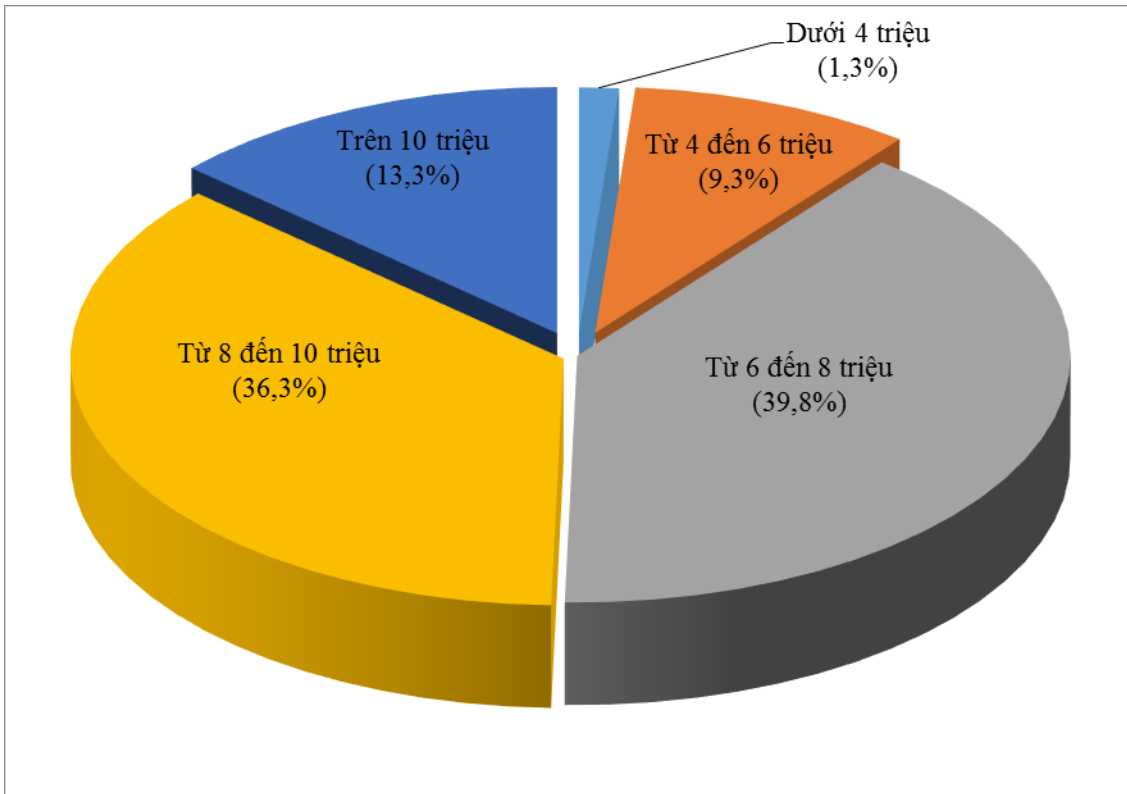
Biểu đồ Hình 3 cho thấy trong số sinh viên đã có việc làm, thì có 83,6% sinh viên làm đúng với chuyên ngành đã học và 16,4% sinh viên làm việc không đúng ngành.



**Hình 3. Sinh viên làm việc đúng chuyên ngành**

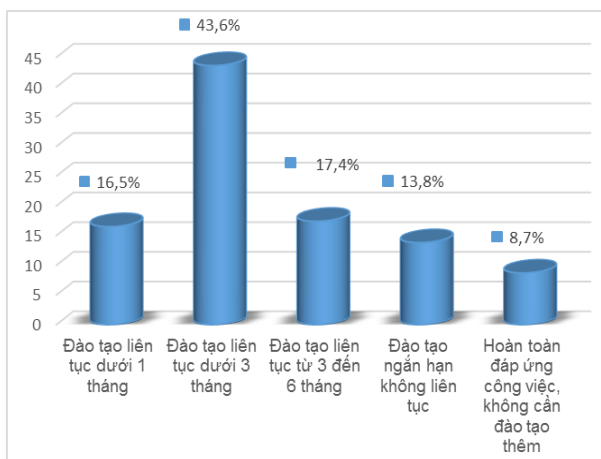
### 3. Thu nhập bình quân hàng tháng của sinh viên tốt nghiệp

Biểu đồ Hình 4 thể hiện thu nhập bình quân hàng tháng của sinh viên sau tốt nghiệp 3 tháng: Có 1,3% sinh viên tốt nghiệp có mức thu nhập dưới 4 triệu/tháng; 9,3% thu nhập từ 4-6 triệu/tháng, 39,8% thu nhập từ 6-8 triệu/tháng, 36,3% thu nhập từ 8-10 triệu/tháng và có đến 13,3% thu nhập trên 10 triệu.

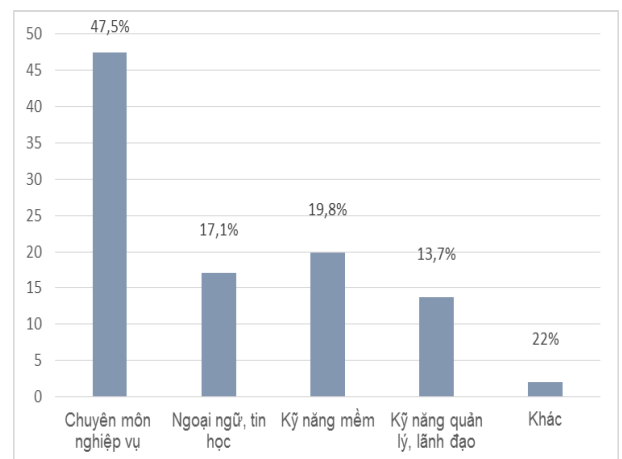


Hình 4. Thu nhập bình quân của SV tốt nghiệp

### 4. Nhà tuyển dụng đào tạo thêm khi đi làm



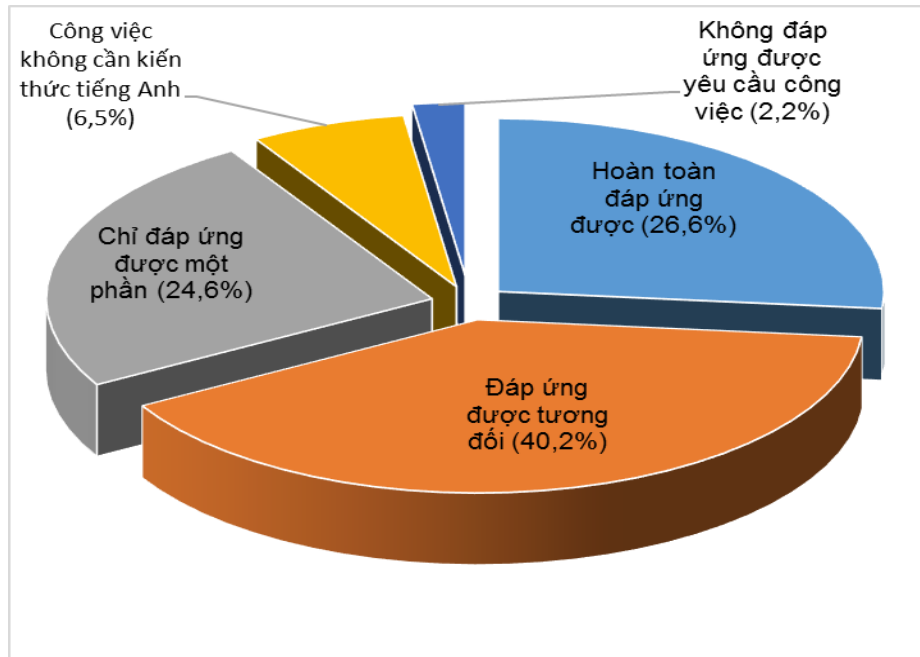
Hình 5. Tình hình đào tạo thêm cho SV



Hình 6. Lĩnh vực đào tạo thêm cho SV

Từ biểu đồ trên cho thấy hầu hết sinh viên tốt nghiệp ra trường đi làm đều được Nhà tuyển dụng đào tạo thêm. Nội dung đào tạo thêm chủ yếu liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ chiếm 47,5%, Nhà trường cần xem xét có giải pháp nhằm giảm tỷ lệ nội dung đào tạo lại của doanh nghiệp liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ.

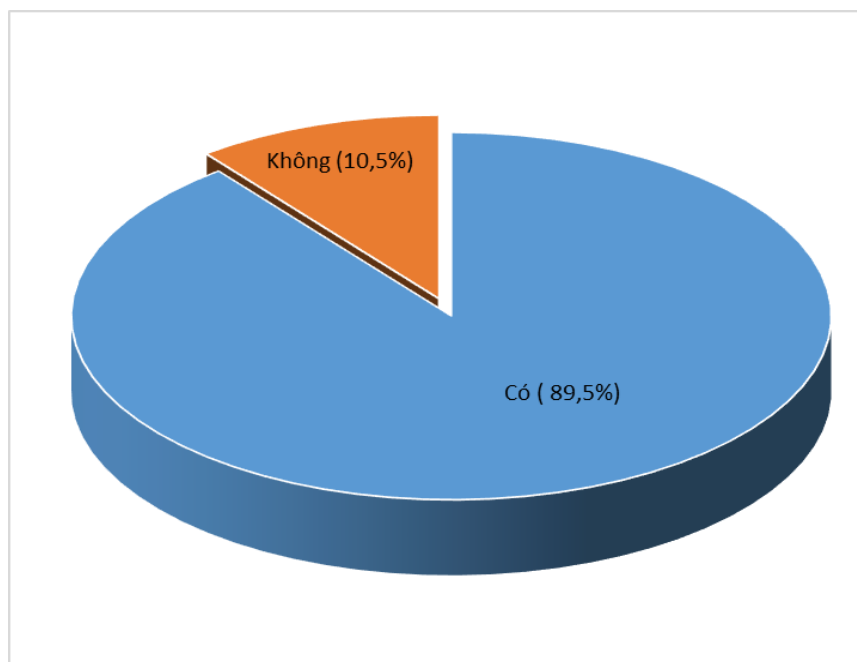
### 5. Trình độ tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc



Hình 7. Tỷ lệ trình độ tiếng Anh của sinh viên

Từ Biểu đồ hình 7, có thể thấy được tỷ lệ trình độ tiếng Anh của sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc là khá tốt. Có 26,6% (số liệu khảo sát đợt 01 & 03/2018 là 16%) sinh viên hoàn toàn có thể đáp ứng yêu cầu sử dụng tiếng Anh trong công việc, 40,2% (số liệu khảo sát đợt 01 & 03/2018 là 38%) sinh viên đáp ứng được tương đối và 26,8% (số liệu khảo sát đợt 01 & 03/2018 là 31%) sinh viên trả lời đáp ứng được một phần và chưa đáp ứng được công việc.

### 6. Sự hài lòng của sinh viên về công việc hiện tại



Hình 8. Tỷ lệ sinh viên hài lòng với công việc hiện tại

Bên cạnh khảo sát về chất lượng chương trình đào tạo, tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, Nhà trường đã khảo sát thêm thông tin về mức độ tin nhiệm của sinh viên về trường.

**Bảng 5. Mức độ tin nhiệm của sinh viên tốt nghiệp về trường**

<b>Nội dung câu hỏi</b>	<b>Không có ý kiến (%)</b>	<b>Không đồng ý (%)</b>	<b>Đồng ý (%)</b>
Nếu có cơ hội khuyên hoặc tư vấn người thân, bạn bè chọn trường đại học Anh/Chị có khuyên họ thi vào Trường ĐHSP Kỹ thuật TP. HCM?	19,6	5,2	75,2

Số liệu bảng 5 cho thấy đa số sinh viên tốt nghiệp hoàn toàn tin tưởng vào chất lượng giáo dục của Trường ĐHSP Kỹ thuật TP.HCM, có đến 75,2% sinh viên sẵn sàng tư vấn, giới thiệu về trường cho thế hệ sau theo học.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị (gửi email);
- Lưu phòng ĐBCL.

**TP. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**



**GVC. ThS. Đinh Thành Ngân**